

BẢO TÀNG NHÂN HỌC

TRONG HỆ THỐNG BẢO TÀNG VIỆT NAM

TS. DẶNG VĂN BÀI*

1 - Đôi điều nhận thức về Bảo tàng Nhân học với tư cách là một thiết chế văn hóa

Về vai trò và vị trí của bảo tàng trong đời sống xã hội, các tác giả cuốn *Cơ sở bảo tàng học*, do Bảo tàng Cách mạng Việt Nam dịch từ nguyên bản tiếng Anh, xuất bản vào năm 2000 ở Hà Nội, đã có những nhận định sáng suốt: Các bảo tàng là để dành cho con người và do đó tương lai của bảo tàng phụ thuộc vào việc tự nâng cấp, tự phát triển để đáp ứng nhu cầu đã được thị trường chỉ rõ. Điều đó chứng tỏ con người đương đại và con người thuộc các thế hệ tương lai sẽ là đối tượng phục vụ của bảo tàng. Và do đó, các bảo tàng cần có chiến lược và định hướng phát triển phù hợp nhằm thỏa mãn tối đa các nhu cầu phong phú và đa dạng của con người.

Nhu cầu mà xã hội đặt ra cho Bảo tàng

Nhân học (thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) là góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và học tập của thầy trò Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thông qua các phương tiện bảo tàng với tư cách là giáo trình hay "sách giáo khoa thị giác" - Các giáo sư và giảng viên của Trường được thỏa mãn nhu cầu nghiên cứu và có phương tiện giáo cụ trực quan tương thích để truyền thụ kiến thức cho sinh viên, còn sinh viên thì có môi trường thuận lợi để tự học, tự đào tạo và tự nghiên cứu.

Trong một cuốn sách bàn luận về con người, nhà Đông phương học Hoành Sơn quan niệm "chỉ con người mới có văn hóa, để rồi văn hóa tạo nên khuôn mặt "người" của nó và đây là tính nhân văn của văn hóa. Nhưng văn hóa luôn là sản phẩm chung của một xã hội và nó phản chiếu ra ngoài cái tâm thức bên trong của xã hội ấy và đây là tính xã hội

* CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HOÁ

của văn hóa"¹.

Trong cuốn *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hóa*, Đỗ Lai Thúy đưa ra khái niệm thời đại văn hóa và mẫu người văn hóa: "Thời đại văn hóa là khoảng thời gian lịch sử mà ở đó văn hóa bộc lộ những tính chất giống nhau, từ đó hình thành những lớp người có một diện mạo tinh thần giống nhau: Mẫu người văn hóa. Như vậy, mẫu người là sự ngưng kết của thời đại văn hóa, là nhân cách văn hóa tiêu biểu cho một thời đại văn hóa"².

Có thể luận giải các quan niệm nói trên là: Chỉ có con người xã hội mới tạo nên văn hóa, đồng thời, chính bản thân con người cũng là một "sản phẩm văn hóa cao cấp". Mặt khác, năng lực sáng tạo của con người xã hội bao giờ cũng là sản phẩm của một thời đại lịch sử cụ thể và luôn mang hơi thở của thời đại lịch sử đó. Trong trường hợp của Bảo tàng Nhân học, mẫu người văn hóa có thể được hiểu là các cộng đồng cư dân "chủ thể sáng tạo văn hóa"; bao gồm, các giáo sư, giảng viên (với tư cách là những người giảng dạy, truyền thụ hệ thống kiến thức về các nền văn hóa), sinh viên (với tư cách người tiếp thu kiến thức văn hóa) sẽ trở thành chủ thể sáng tạo văn hóa trong tương lai.

Cố giáo sư Trần Quốc Vượng, trong cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, lại dùng khái niệm "Địa - Văn hóa" và "Địa - Chính trị" để xác định mối quan hệ tương hỗ hữu cơ giữa thiên nhiên và văn hóa, giữa môi trường thiên nhiên và con người, trong đó điều kiện môi trường sinh thái là yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển của văn hóa nói chung, của mẫu người văn hóa nói riêng. Theo nhận thức của tôi, ở đây Giáo sư muốn khuyên chúng ta phải có cách tiếp cận văn hóa trong cái nhìn "bối cảnh - môi sinh", hoặc mở rộng hơn nữa, là cái nhìn "sinh thái - nhân văn".

Quan niệm của các nhà nghiên cứu vừa được dẫn giải ở trên, trong chừng mực nào đó, đều liên quan trực tiếp tới đối tượng nghiên cứu của bộ môn Nhân học, đã mách bảo chúng ta là, từ góc độ của Bảo tàng Nhân học, phải tìm hiểu con người và văn hóa trong bối cảnh môi trường sinh thái: Môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa và môi trường lịch sử, bởi vì Bảo tàng Nhân học là bảo tàng chuyên ngành gắn với khoa học Nhân học.

Đặng Văn Bài: *Bảo tàng Nhân học trong hệ thống...*

Về mặt từ nguyên, Nhân học là: "khoa học về con người" và về những hoạt động sản xuất văn hóa của con người. Do đó, dù có tính chất chuyên ngành, nhưng Bảo tàng Nhân học phải là bảo tàng văn hóa - đa ngành, liên ngành, khoa học và hiện đại. Có thể nêu ra đây hàng loạt các bộ môn khoa học có liên quan như: Khảo cổ học, Dân tộc học, Sử học, Văn hóa Dân gian, Ngôn ngữ học, Du lịch, Mỹ thuật, Hán - Nôm.v.v. Đồng thời, cơ sở cho mọi hoạt động của Bảo tàng Nhân học là các bộ sưu tập hiện vật gốc được giới thiệu trong mối quan hệ gắn bó với khung cảnh, môi trường xuất xứ và bối cảnh khoa học tương thích. Nguyên tắc khoa học đó đặt ra cho Bảo tàng Nhân học nhiệm vụ phải tạo lập điều kiện cho công chúng bảo tàng tiếp cận, xâm nhập vào tất cả các lĩnh vực đời sống văn hóa của con người và cộng đồng cư dân - với tư cách họ chính là "sản phẩm văn hóa", đồng thời cũng là chủ thể sáng tạo môi trường sinh thái - nhân văn, đang tồn tại với hai cấp độ: Vùng lãnh thổ quốc gia và vùng lãnh thổ của các cộng đồng cư dân địa phương. Điều đó có nghĩa là, Bảo tàng Nhân học không chỉ thiết lập không gian văn hóa, thẩm mỹ phù hợp để trưng bày, giới thiệu các bộ sưu tập hiện vật, mà còn phải giới thiệu cho được mối liên hệ hữu cơ giữa các bộ sưu tập hiện vật đang trưng bày với môi trường sinh thái - nhân văn nơi chúng được sáng tạo ra.

Những năm gần đây, trong lý thuyết Bảo tàng học, đã xuất hiện khái niệm "Bảo tàng hóa" di sản văn hóa. Bảo tàng hóa, theo nghĩa hẹp, là bảo tồn và phát huy tất cả các đối tượng (di sản văn hóa là động sản và bất động sản), đã được "bứng" ra khỏi môi trường tồn tại ban đầu để đặt vào môi trường đặc biệt - môi trường nhân tạo do con người tổ chức ra. Theo nghĩa rộng bảo tàng hóa được hiểu là một phương pháp tối ưu và hiện đại nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa trực tiếp (biến thành bảo tàng) ngay trong môi trường sinh thái nhân văn - nơi di sản văn hóa được sáng tạo ra và hiện đang tồn tại, đồng thời lại gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật của cộng đồng cư dân địa phương (chủ thể sáng tạo văn hóa).

Theo cách hiểu như trên thì đối tượng cần được bảo vệ sẽ bao gồm các yếu tố sau đây:

- Di sản văn hóa vật thể (di tích động sản, bất động sản) và di sản văn hóa phi vật thể.

- Môi trường sinh thái - nhân văn của nơi di sản văn hóa được sản sinh và đang tồn tại.

- Cộng đồng cư dân địa phương với tư cách vừa là chủ thể sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, vừa là đối tượng được bảo tàng hóa.

Bên cạnh đó, người ta còn áp dụng nhiều phương thức khác nhau nhằm bảo tàng hóa các di tích khảo cổ, các khu vực lãnh thổ hiện còn lưu giữ được dấu tích tiến hóa của trái đất về mặt địa lí, địa chất, sinh học...

Qua những điều trình bày ở trên, ta thấy bộc lộ rõ những xu hướng phát triển bảo tàng học hiện đại như sau:

Thứ nhất, các hoạt động bảo tàng cần hướng tới việc giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái - nhân văn trong cộng đồng cư dân. Đây là tiền đề quan trọng, sự đảm bảo cho phát triển bền vững của tất cả các quốc gia trên phạm vi toàn thế giới.

Thứ hai, bảo tàng phải hướng tới cộng đồng và gắn bó mật thiết với mọi mặt đời sống của cộng đồng cư dân địa phương. Đây là điều kiện cần thiết giúp cho cộng đồng không chỉ được trực tiếp hưởng thụ văn hóa mà còn có khả năng tham gia vào quá trình sáng tạo văn hóa, đồng thời có thể trình diễn, giới thiệu những giá trị văn hóa tiêu biểu mà mình là chủ sở hữu và tiếp tục truyền dạy cho các thế hệ trẻ.

Thứ ba, bảo tàng, với tư cách một thiết chế văn hóa, làm chủ được thứ ngôn ngữ đặc thù là trưng bày dựa trên cơ sở các bộ sưu tập hiện vật gốc, có thể thực hiện chức năng là công cụ của nhận thức, truyền bá thông tin.

Thứ tư, bảo tàng còn thực hiện chức năng là công cụ giao tiếp giữa các cá nhân trong xã hội với nhau và với cộng đồng xã hội, giữa các quốc gia, liên kết quá khứ, hiện tại và tương lai. Và nhờ đó, bảo tàng có thể tác động vào đời sống xã hội thông qua công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần hoàn chỉnh nhân cách và hành vi ứng xử của con người.

Trong quan niệm bảo tàng hiện đại, đối tượng nghiên cứu không chỉ bó hẹp trong phạm vi các bộ sưu tập hiện vật gốc, mà còn bao quát cả các di tích động sản, bất động

sản, cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Do đó, mục tiêu hoạt động của bảo tàng là phải phát hiện, làm rõ các mặt giá trị, nội dung phong phú hàm chứa trong từng hiện vật nói riêng và bộ sưu tập hiện vật nói chung. Theo đó, hoạt động của bảo tàng nhằm những mục tiêu cụ thể sau đây:

- Bộc lộ giá trị của hiện vật ở các mặt: Lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ và lưu niệm.

- Khả năng biểu đạt của hiện vật tác động tới cảm xúc của công chúng.

- Khả năng hấp dẫn, lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người xem.

- Khả năng trở thành hình mẫu, tiêu bản mẫu đại diện cho một loại hình hiện vật.

- Tính chất quý hiếm, độc bản (tiêu bản duy nhất, siêu nhỏ hoặc siêu lớn, giá trị kinh tế cao.v.v.).

- Tính nguyên gốc và chân thật lịch sử.

Đối với Bảo tàng Nhân học, chúng ta còn phải lưu ý tới một số khía cạnh mang tính đặc thù sau đây:

- Nguồn gốc của hiện vật.

- Công năng của hiện vật (khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng của con người).

- Những biểu trưng văn hóa hàm chứa trong hiện vật.

- Vật liệu, công nghệ và phương pháp mà các chủ thể sáng tạo văn hóa đã áp dụng để chế tác hiện vật.

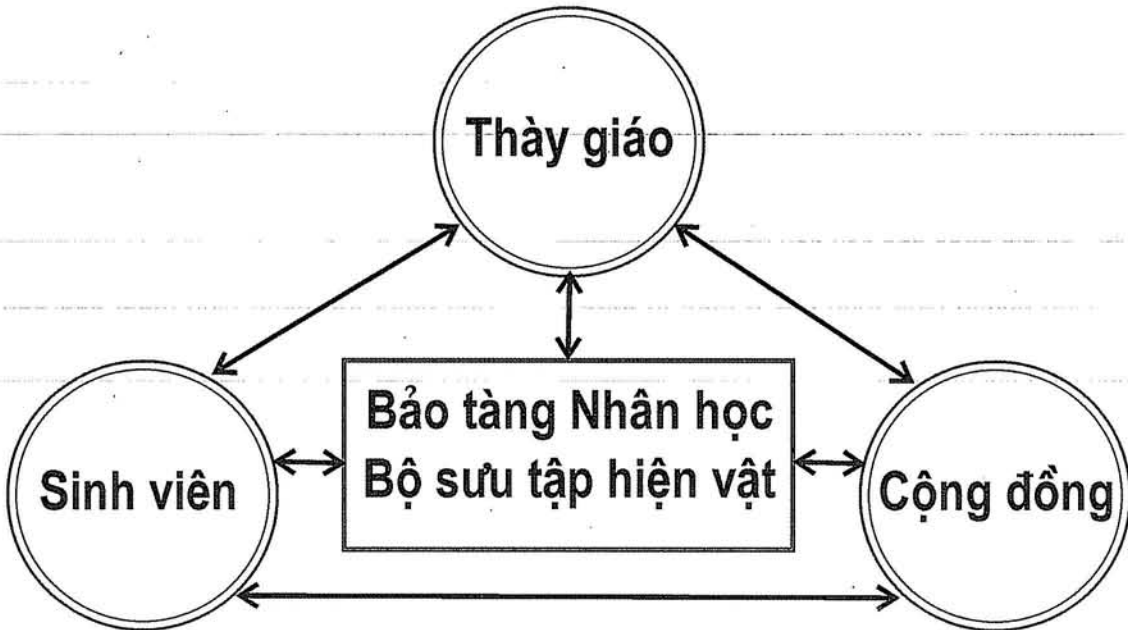
- Việc thực hành chế tác hiện vật ngay trong phòng thí nghiệm của Bảo tàng Nhân học.

Có thể khẳng định, giá trị của mỗi hiện vật, bộ sưu tập hiện vật phần lớn phụ thuộc vào mức độ phong phú và tính chân xác của lượng thông tin, nội dung, biểu trưng văn hóa của chúng mà Bảo tàng Nhân học tích hợp được qua các mặt hoạt động nghiệp vụ. Đó mới là phần hồn làm nên giá trị văn hóa phi vật thể trong hiện vật mà Bảo tàng cần phổ biến, giảng dạy. Và do đó, việc tích hợp thông tin về hiện vật và bộ sưu tập hiện vật gốc, trong một chừng mực nào đó, là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng và hiệu quả dạy và học ở Bảo tàng Nhân học.

Điều quan trọng hơn cả là Bảo tàng Nhân học phải tạo lập được mối dây liên hệ hữu cơ giữa hiện vật và các bộ sưu tập hiện vật

không chỉ với môi trường sinh thái, môi trường xã hội và môi trường lịch sử - nơi chúng được sáng tạo ra, mà còn gắn bó mật thiết với mọi

mặt hoạt động trong đời sống của cộng đồng cư dân địa phương. Mỗi liên hệ hữu cơ đó có thể được mô hình hoá như sau:



Chỉ với những định hướng hoạt động như trình bày ở trên, Bảo tàng Nhân học mới thực sự trở thành một trong những chỗ dựa đáng tin cậy về mặt tinh thần cho cộng đồng cư dân xã hội nói chung và sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nói riêng, đem lại cho họ cảm giác được gắn gũi với truyền thống dân tộc, có được sự liên hệ với cội nguồn và tổ tiên. Những định hướng đó còn cho phép Bảo tàng tạo ra khả năng giao tiếp trên diện rộng với công chúng ở cả hai chiều kích của nhận thức: Một chiều kích về thời gian là từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai; một theo chiều kích về không gian - đó là sự giao tiếp giữa các thành viên trong phạm vi một cộng đồng cư dân, giữa các cộng đồng cư dân trong một khu vực lãnh thổ, giữa các cộng đồng dân tộc trong một quốc gia và giữa các quốc gia/dân tộc trên phạm vi thế giới. Thực tế đã khẳng định, trong bối cảnh toàn cầu hóa về kinh tế, quốc tế hóa về văn hóa, thì không một cá nhân, một cộng đồng và một quốc gia nào tách biệt ra khỏi mối quan hệ qua lại với cộng đồng quốc tế mà có thể tồn tại và phát triển bền

vững. Do có khả năng tạo lập được không gian giao tiếp trên diện rộng cho công chúng mà Bảo tàng Nhân học càng khẳng định được vị trí và vai trò xã hội quan trọng của mình.

2 - Muốn nhận diện Bảo tàng Nhân học cần thiết phải đặt nó vào trong hệ thống các bảo tàng Việt Nam để có cách nhìn so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ hơn bản chất và đặc thù của Bảo tàng này.

Trước hết, phân loại bảo tàng là thể hiện sự phản ánh những đặc trưng, tính chất riêng biệt của mỗi loại bảo tàng xét về các mặt: Hoạt động nghiệp vụ, chức năng xã hội, tổ chức quản lý đội ngũ cán bộ, nguồn kinh phí hoạt động, đối tượng sưu tầm, thành phần cấu thành các bộ sưu tập, nội dung trưng bày, đối tượng phục vụ và các hình thức hoạt động (ở các loại hình bảo tàng khác nhau sẽ có những sự khác biệt nhất định). Do đó, việc nghiên cứu phân loại bảo tàng giúp chúng ta nhận thức đúng đắn hơn đặc điểm và quy luật phát triển của một loại hình bảo tàng cụ thể, để từ đó, xác định rõ phương hướng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của các loại

hình bảo tàng. Thường có một số hình thức phân loại như sau:

- *Thứ nhất*, phân loại theo chuyên ngành khoa học - nhằm tạo ra sự chuyên môn hóa sâu, theo ba hướng: Bảo tàng lịch sử tự nhiên, bảo tàng lịch sử xã hội và bảo tàng tự nhiên.

- *Thứ hai*, phân loại theo chức năng hoạt động:

+ Bảo tàng công cộng: Hướng tới việc phục vụ tất cả các đối tượng khách tham quan trong xã hội, nhưng đối tượng ưu tiên là tập trung vào thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên. Tất nhiên, từng bảo tàng cụ thể lại có đối tượng ưu tiên riêng biệt như: Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam thì đối tượng ưu tiên phục vụ phải hướng vào cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; Bảo tàng Nhân học sẽ chọn đối tượng ưu tiên phục vụ trước hết là sinh viên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nói riêng và Đại học Quốc gia nói chung...

+ Bảo tàng thuộc các viện nghiên cứu: Có đối tượng phục vụ là các nhà khoa học, những người nghiên cứu thuộc phạm vi chuyên môn hẹp, nhưng tất nhiên sẽ không hoàn toàn khép kín đối với toàn xã hội mà, trường hợp cụ thể, vẫn mở cửa phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu và quan tâm tới hoạt động của bảo tàng.

+ Bảo tàng học đường: Thuộc các trường đại học, mà Bảo tàng Nhân học là một trường hợp cụ thể, sẽ xây dựng các bộ sưu tập được tuyển chọn hướng vào việc hình thành những cuốn sách "giáo khoa thị giác" phục vụ cho học sinh, sinh viên của các trường đại học. Về bản chất, bảo tàng học đường thuộc các trường đại học được xây dựng là nhằm mục đích phục vụ công tác nghiên cứu giảng dạy, học tập của thầy và trò của trường là chính, không hướng đích phục vụ nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn, giải trí của công chúng.

- *Thứ ba*, phân loại theo các bộ sưu tập hiện vật và những nội dung trưng bày chính của bảo tàng: Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng nghệ thuật, Bảo tàng khoa học, Bảo tàng tổng hợp và các loại hình khác.v.v.

- *Thứ tư*, phân loại theo hình thức sở hữu: Bảo tàng Nhà nước, bảo tàng của tổ chức xã hội hoặc cộng đồng cư dân, bảo tàng tư nhân.

- *Thứ năm*, phân loại theo ngành chủ quản

và cơ quan quản lý: Bảo tàng quốc gia; Bảo tàng ngành; Bảo tàng tỉnh, thành phố; Bảo tàng đầu hệ và các bảo tàng chi nhánh.

Ngoài ra, trong những năm gần đây, còn xuất hiện loại hình bảo tàng mới là bảo tàng sinh thái. Sự khác biệt cơ bản giữa bảo tàng sinh thái so với các bảo tàng mang tính hàn lâm là ở chỗ: Di sản văn hóa và thiên nhiên, các công trình kiến trúc, di tích động sản và bất động sản, cùng với các hình thức sinh hoạt đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân địa phương (phong tục, tập quán, lễ hội, các hình thức trình diễn dân gian vv...) đều được bảo tồn nguyên trạng trong môi trường sinh thái - nhân văn nguyên gốc, nơi chúng được sáng tạo ra và gắn bó với đời sống cộng đồng.

Thông qua hệ thống phân loại trên đây, chúng ta đã thấy rõ vị trí của Bảo tàng Nhân học trong hệ thống các bảo tàng Việt Nam. Vấn đề còn lại là phải hiểu đúng chức năng, nhiệm vụ và những nội dung hoạt động cụ thể của Bảo tàng Nhân học trong tương lai.

Theo định nghĩa của ICOM (được thông qua tại Stavanger năm 1995) thì: Bảo tàng là một thiết chế phi vụ lợi, hoạt động lâu dài phục vụ cho xã hội và sự phát triển của xã hội, mở cửa cho công chúng đến xem, có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, tuyên truyền và trưng bày các bằng chứng vật chất về con người và môi trường sống của con người vì mục đích nghiên cứu, giáo dục và thưởng thức. Từ định nghĩa này, ta thấy nổi bật 3 mặt hoạt động quan trọng nhất của bảo tàng là nghiên cứu khoa học, sưu tầm, bảo quản và trưng bày giới thiệu di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cùng các tiêu bản mẫu từ thiên nhiên. Trong đó, nghiên cứu khoa học là hoạt động cơ bản, mấu chốt, có tính chất bao trùm, tạo nên động lực thúc đẩy và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các khâu công tác nghiệp vụ khác của bảo tàng.

Có thể hiểu một cách khái lược về chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng Nhân học như sau:

Thứ nhất, chức năng nghiên cứu khoa học của Bảo tàng Nhân học là nhằm phát hiện, thẩm định và tích lũy những thông tin đáng tin cậy về các bộ sưu tập hiện vật gốc có trong

kho bảo quản và được giới thiệu trong phần trưng bày của bảo tàng, bởi vì hiện vật bảo tàng là một hình thức lưu trữ và chuyển tải thông tin hữu ích nhất.

Để nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, Bảo tàng Nhân học còn phải tiếp thu và áp dụng sáng tạo những thành tựu của các bộ môn khoa học có liên quan. Đồng thời, còn phải tạo lập cơ sở vật chất và khoa học phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên của trường, cũng như nhu cầu của các bạn đồng nghiệp thuộc nhiều bộ môn khoa học khác nhau.

Xuất phát từ đặc thù của mình, Bảo tàng Nhân học phải quán triệt quan điểm tổng thể và hệ thống trong công tác nghiên cứu khoa học cũng như các mặt hoạt động nghiệp vụ khác.

Quan điểm tổng thể đặt ra yêu cầu phải nhìn nhận con người, các hoạt động sản xuất văn hóa của con người và môi trường sinh thái - nhân văn như là một chỉnh thể hoàn chỉnh, trong đó có mối quan hệ ràng buộc không tách rời giữa thiên nhiên và con người. Ngược lại, quan điểm hệ thống lại đòi hỏi phải xem xét bản chất của con người và các hoạt động sản xuất văn hóa của con người thông qua việc nghiên cứu tất cả những nhân tố hợp thành các nền văn hóa của nhân loại.

Bảo tàng Nhân học là bảo tàng chuyên ngành nằm ở điểm giao diện của nhiều ngành khoa học như: Sử học, Khảo cổ học, Dân tộc học, Ngôn ngữ học, Mỹ thuật học, Văn hóa học, Sinh học, Địa lý học... Vì thế, phương pháp nghiên cứu hiệu quả nhất phải là phương pháp liên ngành. Phương pháp này cho phép cán bộ nghiên cứu của Bảo tàng Nhân học liên kết được các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của những ngành khoa học hữu quan để khám phá đối tượng nghiên cứu của mình. Xin được viện dẫn ra đây một số ví dụ cụ thể để minh họa. Như chúng ta đã biết, các bộ sưu tập hiện vật khảo cổ chắc chắn sẽ chiếm một tỷ lệ khá lớn trong Bảo tàng Nhân học. Về bản chất, các hiện vật khảo cổ đã được lưu giữ gần như nguyên vẹn trong lòng đất. Tuy ít bị xáo trộn và biến dạng do tác động của điều kiện thiên nhiên cũng như hoạt động của con người, nên những

thông tin phản ánh qua các hiện vật khảo cổ thường mang tính khách quan, nhưng cũng có những hạn chế cơ bản vì chúng là loại tài liệu hiện vật "câm lặng", không biết nói. Và vì thế, sẽ rất khó khăn khi muốn xác định chính xác chủ nhân sáng tạo ra nền văn hóa khảo cổ. Phương pháp duy nhất đúng trong trường hợp này là phải vận dụng công cụ nghiên cứu của Ngôn ngữ học và Dân tộc học, Bảo tàng học để buộc các hiện vật khảo cổ phải "cất tiếng nói", "kể" rõ lai lịch của mình và chủ nhân đích thực của những nền văn hóa khảo cổ cụ thể. Hoặc như, để hiểu được công chúng bảo tàng và những nhu cầu chính đáng của họ, Bảo tàng Nhân học nhất thiết phải vận dụng những phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của bộ môn Xã hội học, Tâm lý học...

Thứ hai, chức năng giáo dục của bảo tàng được thể hiện cụ thể ở các mặt hoạt động sau:

- Truyền bá tri thức văn hóa, khoa học, nâng cao trình độ văn hóa khoa học cho công chúng.

- Giáo dục phẩm chất đạo đức, tư tưởng, góp phần hình thành nhân cách, điều chỉnh hành vi ứng xử của các thành viên trong xã hội.

- Riêng với Bảo tàng Nhân học, loại hình bảo tàng học đường thuộc các trường đại học, thì chức năng giáo dục còn thể hiện ở hình thức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa về kinh tế, quốc tế hóa về văn hóa, ngoài những cơ hội cần tận dụng như: Khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư, tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.v.v., các nước đang phát triển còn phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nan giải như: Sự phân hóa giàu nghèo thái quá, sự cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường do sự phát triển một cách ồ ạt, thiếu kiểm soát, sự áp đặt văn hóa từ các nước phát triển, nguy cơ làm nghèo đi sự đa dạng văn hóa, lu mờ bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là sự suy thoái về mặt đạo đức do lối sống thực dụng, hưởng thụ của một bộ phận cư dân trong xã hội.

Thực tế trên đặt ra yêu cầu phải có biện pháp cải cách triệt để phương pháp giáo dục

cộng đồng, nhất là đối với một bảo tàng mà đối tượng phục vụ chủ yếu là sinh viên như Bảo tàng Nhân học. Vấn đề cần giải đáp là dạy cái gì? dạy như thế nào? và dạy với mục đích gì?

Trong bài nghiên cứu "Cải cách giáo dục trước thách đố của thế kỷ XXI", Phạm Khiêm Ích đã chia sẻ quan niệm chung về mục đích cuối cùng của giáo dục do Edgan Morin - một nhà xã hội học, nhân học và triết học nổi tiếng của Pháp đề xướng là: *Một là*, hình thành những khối óc được rèn luyện tốt, đào tạo những con người đủ năng lực tổ chức các tri thức, chứ không phải tích lũy các hiểu biết theo kiểu chất đầy vào kho. *Hai là*, giáo dục về hoàn cảnh con người, làm cho mỗi người có ý thức sâu sắc thế nào là một con người. *Ba là*, học cách sống, chuẩn bị cho thế hệ trẻ biết đối mặt với những khó khăn, bất trắc và những vấn đề của tồn tại con người. *Bốn là*, thực tập tư cách công dân, hình thành và phát huy ở mỗi con người tư cách công dân Pháp, đồng thời tư cách công dân Châu Âu và tư cách công dân trái đất, có năng lực đối thoại, khoan dung trong một thế giới đa dạng hơn bao giờ hết. Nền giáo dục hiện đại phải dạy cho con người biết học cách học, học cách làm, học cách tổ chức các tri thức, liên kết các tri thức nhằm nâng cao hiệu quả của mình³.

Quan điểm nói trên là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu thực hành chức năng giáo dục của Bảo tàng Nhân học. Chúng ta cần thiết lập tại Bảo tàng Nhân học những không gian văn hóa phù hợp cho sinh viên thực hiện phép so sánh lịch sử hướng tới mục tiêu làm sáng tỏ quá trình tiến hóa và biến đổi của các nền văn hóa trong chiều kích thời gian và

không gian, đồng đại và lịch đại, để họ xác định rõ mối quan hệ cội nguồn của chúng. Các "con đường" mà Bảo tàng có thể mở ra đối với các sinh viên theo nhiều hướng: *Một là*, tạo điều kiện cho họ tiếp cận các sưu tập hiện vật gốc độc đáo, làm cơ sở cho việc làm báo cáo khoa học và chuẩn bị khóa luận tốt nghiệp. *Hai là*, cho phép sinh viên chủ động xây dựng các chủ đề tham quan, học tập theo cách lựa chọn của mình hay từng nhóm riêng, sau đó đưa ra những vấn đề trao đổi dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc cán bộ bảo tàng. *Ba là*, các sinh viên có thể trực tiếp xây dựng các bộ sưu tập hiện vật, sáng tạo các ý tưởng trưng bày, tổ chức các chủ đề trưng bày theo yêu cầu của mình và các bạn đồng nghiệp.

Tóm lại, từ những nội dung trình bày ở trên, ta thấy tất cả các hoạt động của Bảo tàng Nhân học phải thường xuyên, liên tục gắn bó với mọi mặt đời sống của cộng đồng/xã hội cả về vật chất lẫn tinh thần, cả trí tuệ lẫn tâm linh. Nội dung trưng bày của Bảo tàng phải đặt ra và giải quyết được những vấn đề có tính chất thời sự mà cộng đồng đang quan tâm./.

D.V.B

Chú thích:

- 1 - Hoành Sơn: *Con người*, Nxb. VHNT, HN, 2005, tr. 63.
- 2 - Đỗ Lai Thúy: *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hóa*, Nxb. VHNT, HN, 2005, tr. 67.
- 3 - Phạm Khiêm Ích: "Cái nhìn giáo dục trước thách đố của thế kỷ XXI", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 9/2005, tr.100.

SUMMARY: MUSEUM OF ANTHROPOLOGY IN THE SYSTEM OF VIETNAMESE MUSEUMS (DANG VAN BAI)

It presents a general view on the position, role, function, task and action orientation of the museum of anthropology, a new form of museum in Vietnamese museum system. Based on that, it can be emphasized: all the activities of the Museum of Anthropology should be constant continuity, closely connected with every aspect of the life of the community and society, at the same time solving current issues being interested by the society.